TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGT – ST
Ngày 15 tháng 11 năm 2019
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nhung

2. Ông Nguyễn Xuân Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2019/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Hồng H, sinh năm 1992, (có mặt).

Địa chỉ: thị trấn C, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: A Nguyễn Quốc P, sinh năm 1983, (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Phường T, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2019 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Tô Hồng H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên ngày 07/11/

2013. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh P được vài tháng thì vợ chồng chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên sinh sống. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2018 nguyên nhân là do anh P chơi bời, không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn kể từ tháng 6 năm 2018, anh P bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tổ dân phố Xuân Đức, phường Phúc Thắng ở. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm và liên lạc với nhau trong cuộc sống. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị H thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Diệu A, sinh ngày 12/12/2015, hiện đang ở với chị H. Ly hôn chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhi và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Chị H không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc P sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ và gửi các văn bản của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; thông báo về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về phiên hòa giải. Tòa án đã triệu tập anh P nhiều lần đến Tòa để làm việc nhưng anh P cố tình trốn tránh và không nộp cho Tòa án các văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 10 năm 2019 bà Đỗ Thị H1 là mẹ đẻ của anh Nguyễn Quốc P khai: Gia đình bà tổ chức lễ cưới cho chị H, anh P vào tháng 11 năm 2013. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng của chị H, anh P bình thường. Đến đầu năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sau đó anh P bỏ về ở cùng vợ chồng bà, từ đó đến nay vợ chồng chị H, anh P sống ly thân. Chị H làm đơn xin ly hôn, gia đình bà có nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án gửi đến cho con trai bà. Bà đều nhận hộ và đã thông báo cho anh P được biết. Tuy nhiên, con trai bà nói việc ly hôn là do một mình chị H yêu cầu nên không đến làm việc tại Tòa. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị H, con trai bà không có ý kiến gì.

Về con chung: Bà H1 khai, vợ chồng chị H, anh P có một con chung là cháu Nguyễn Diệu A, sinh năm 2015 như lời trình bày của chị H. Hiện tại cháu Diệu A đang ở với chị H và chị H có đủ điều kiện để nuôi con nên đề nghị Tòa án xem xét cho chị H được nuôi con theo nguyện vọng của chị H.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, xin nuôi con và không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Quốc P nhưng anh P vắng mặt tại Tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Tô Hồng H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc P có hộ khẩu thường trú tại: Phường T, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phúc thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc vào tháng 11 năm 2013 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi anh P đang cư trú và lời khai của bà Đỗ Thị H1 là mẹ của anh P đều thể hiện: Chị H và anh P hiện nay đang sống ly thân. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh P, chính quyền địa phương cùng bà H1 đều không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị H làm đơn xin ly hôn anh P vì thấy rằng: Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để hòa giải nhưng anh P đều vắng mặt. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để anh chị về đoàn tụ với nhau được. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của bà H1 là mẹ anh P đều xác định anh chị đã sống ly thân được một thời gian từ giữa năm 2018 đến nay, không còn liên lạc và bỏ mặc nhau trong cuộc sống. A P có biết việc chị H làm đơn xin ly hôn nhưng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh P có một con chung là cháu Nguyễn Diệu A, sinh ngày 12/12/2015, hiện tại cháu A đang ở với chị H. Qua xác minh tại địa phương nơi anh P cư trú cũng như lời khai của chị H trong quá trình giải quyết vụ án đều thể hiện chị H và anh P có việc làm để tạo ra thu nhập và có đủ điều kiện để nuôi con. Ly hôn chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị H là hoàn toàn thực tâm. Tuy nhiên, do anh P vắng mặt tại phiên tòa cũng như trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết nên Tòa án không thể hòa giải để các bên tự thỏa thuận về việc nuôi con. Theo quy định của pháp luật khi quyết định giao con cho một người chăm sóc, nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện thực tế, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để quyết định giao cho bố hoặc mẹ. Hiện tại, cháu A còn nhỏ mới 4 tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy, cần giao cháu A cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Diệu A là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Tô Hồng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Tô Hồng H được ly hôn với anh Nguyễn Quốc P.

2. Về con chung: Giao cho chị Tô Hồng H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Diệu A, sinh ngày 12/12/2015.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Tô Hồng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0003870 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường T;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung